TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/ST-HNGĐ
Ngày: 28/06/2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi.

2. Ông Cao Quốc Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thảo– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 06 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2019, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc P, sinh năm: 1991
Địa chỉ: Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đồng Sơn T, sinh năm: 1984
Địa chỉ: Đường A1, phường B1, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn ông Đồng Sơn T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P trình bày:

Bà Nguyễn Ngọc P và ông Đồng Sơn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, đến năm 2017 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/04/2017. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, cả hai không tìm được

nói tiếng chung. Khi bà P đang mang thai con đầu lòng thì phát hiện ra ông T không chung thủy trong đời sống vợ chồng, vì tương lai của con và nghĩ do ông T cần giải quyết nhu cầu sinh lý nên bà P vẫn tha thứ cho ông T. Tuy nhiên, sau đó ông T vẫn không thay đổi, vẫn không chung thủy trong đời sống vợ chồng. Bà P và ông T đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt nhưng không có kết quả, bà P và ông T đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng của mình. Bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy bà P yêu cầu được ly hôn với ông T.

Trong quá trình chung sống, bà P và ông T có 01 con chung tên là Đồng Thục An N, sinh ngày 21/3/2017. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn ông Đồng Sơn T đã được Tòa án thực hiện các thủ tục cấp, tống đạt, niêm yết công khai đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc P được ly hôn với ông Đồng Sơn T, giao con chung Đồng Thục An N, sinh ngày 21/3/2017 cho bà Nguyễn Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà P không yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P khởi kiện xin ly hôn với ông Đồng Sơn T, do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn", quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Đồng Sơn T có nơi cư trú tại Quận 2, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Đồng Sơn T đã được Tòa án tiến hành cấp, tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 94/2019/TB-TLVA ngày 15/3/2019 và Giấy triệu tập đương sự ngày 01/4/2019

(niêm yết công khai ngày 01/4/2019); Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Giấy triệu tập đương sự ngày 17/4/2019 (niêm yết công khai ngày 17/4/2019); Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Giấy triệu tập đương sự ngày 03/5/2019 (niêm yết công khai ngày 03/5/2019); Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2019, Thông báo sửa chữa, bổ sung quyết định số 05/2019/QĐ-SCBSQĐ ngày 23/5/2019, Giấy triệu tập đương sự ngày 20/5/2019 (niêm yết công khai ngày 24/5/2019); Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2019 và Giấy triệu tập đương sự ngày 10/6/2019 (niêm yết công khai ngày 11/6/2019).

Mặc dù ông T đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng như trên nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đồng Sơn T.

Đối với việc nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà P không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

Xét thấy nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đồng Sơn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P yêu cầu ly hôn với ông Đồng Sơn T, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đồng Thục An N, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của phía nguyên đơn, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định bà Nguyễn Ngọc P và ông Đồng Sơn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, năm 2017 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/04/2017. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Thảo Điền, Quận 2 về hoàn cảnh gia đình cũng như mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T, bà P. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân phường Thảo Điền, Quận 2 trả lời không rõ về các thông tin này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã giải thích , động viên bà Nguyễn Ngọc P bỏ qua mọi mâu thuẫn để đoàn tụ , hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng hạnh phúc gia đình và cùng nuôi dạy con cái nhưng bà P không

đồng ý quay về đoàn tụ mà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc, yêu thương, tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Giữa bà P, ông T đã mâu thuẫn từ năm 2017 do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, cho đến nay vẫn chưa tìm được tiếng nói chung, năm 2018 ông T và bà P đã sống ly thân, ai cũng có cuộc sống riêng của mình, bà P còn trình bày việc ông T không chung thủy trong đời sống vợ chồng, như vậy bà P, ông T đã vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông T là trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài , mục đích của hôn nhân không đạt được . Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Nguyễn Ngọc P yêu cầu xin được ly hôn với ông Đồng Sơn T là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ Giấy khai sinh số 118 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/4/2017, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định trẻ Đồng Thục An N, sinh ngày 21/03/2017 là con chung của bà Nguyễn Ngọc P và ông Đồng Sơn T. Trẻ An N hiện nay còn rất nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi và lại là nữ, giữa ông T, bà P không có thỏa thuận khác, bà P cũng đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, xét quyền lợi về mọi mặt của trẻ và căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ Đồng Thục An N của bà Nguyễn Ngọc P.

Bà Nguyễn Ngọc P không yêu cầu ông Đồng Sơn T phải cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Về án phí sơ thẩm: Do bà Nguyễn Ngọc P là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông T không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc P, ông Đồng Sơn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2015);

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc P được ly hôn với ông Đồng Sơn T.

- Về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung tên Đồng Thục An N, sinh ngày: 21/03/2017 cho bà Nguyễn Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận việc bà Nguyễn Ngọc P không yêu cầu ông Đồng Sơn T phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí:

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Ngọc P phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí

số AA/2017/0016137 do Chi cụ c Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 15/3/2019. Bà P đã nộp đủ tiền án phí, ông T không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Ngọc P, ông Đồng Sơn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- UBND P. Bình Trưng Đông, Quận 2;
- Lưu hồ sơ – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trung Thực

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Quốc Hưng **Nguyễn Thị Chi** **Nguyễn Trung Thực**